TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tùng
Bà Đặng Thị Yến Nhi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Thành Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 203/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.
Địa chỉ: số nhà A, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Xuân K, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1973.
Anh Lê Thanh H, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại tòa ông K, bà V, ông T, anh H vắng mặt; ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ hàng xóm với nhau nên vào ngày 25/3/2021 bà N có cho bà V và con trai là anh H vay số tiền 130.000.000 đồng để xoay sở, chi tiêu trong gia đình. Để làm tin, bà V và anh H có làm cho bà N tờ biên nhận mượn

tiền. Tuy trong biên nhận không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bên ngoài thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 1%/tháng. Đến hạn trả nợ là ngày 25/6/2021, bà N có đến nhà để đòi tiền gốc và lãi nhưng bà V và anh H cứ hẹn lần lượt cho đến nay vẫn chưa trả. Ông T là chồng bà V cũng biết việc vay tiền này và cũng đã hứa hẹn sẽ có trách nhiệm cùng bà V và anh H trả nợ cho bà N nhưng đến nay vẫn chưa trả lãi và gốc. Do đó, bà N yêu cầu bà V, anh H cùng ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng, bà V không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản hòa giải ngày 28/6/2023, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Số tiền 130.000.000 đồng là của mẹ anh là bà V vay của bà N, khi vay anh và cha anh là ông T không biết. Tuy nhiên đến năm 2023, khi bà N chuẩn bị đi làm xa thì bà N có đến nhà yêu cầu bà V và anh H ký vào giấy mượn tiền để làm tin. Khi bà N khởi kiện ông T mới biết việc vay tiền này, anh và ông T có bàn bạc với tư cách là chồng và con của bà V sẽ cố gắng phụ bà V trả nợ cho bà N nhưng xin trả dần.

Bị đơn bà V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Ông bà không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu bà V, ông T, anh H trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân K có đơn xin xét xử vắng mặt, bà V, ông T, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu bà V, anh H, ông T có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà N cung cấp là: giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 bản chính. Trong quá trình giải quyết vụ án bà V và ông T đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Riêng anh H có tham gia hòa giải vào ngày 28/6/2023, tại biên bản hòa giải anh H xác nhận có cùng mẹ là bà V ký tên mượn của bà N số tiền 130.000.000 đồng. Số tiền này do bà V mượn để lo việc gia đình, khi mượn ông T là chồng bà V không biết. Số tiền này anh và ông T cũng đã bàn bạc đồng ý cùng trả nợ cho bà N nhưng xin trả dần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là "Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021" cho bà V, anh H, ông T. Theo giấy mượn tiền thể hiện bà V, anh H có mượn của bà N số tiền 130.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự thì bà N có quyền đòi lại số tiền đã cho vay bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý. Bà N cho rằng đã nhiều lần liên hệ đòi số tiền trên nhưng đến nay bà V, anh H và ông T chưa trả. Tại buổi hòa giải ngày 28/6/2023, bị đơn anh H cho rằng số tiền trên do bà V mượn, sau đó bà N có đến nhà lập giấy mượn tiền và yêu cầu anh cùng ký tên vào giấy. Anh và ông T cũng đồng ý cùng bà V trả số nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 chỉ có chữ ký của bà V và anh H, ông T không có ký tên bên mượn tiền nhưng số tiền trên bà V mượn để chi tiêu trong gia đình, ông T là chồng của bà V cũng đồng ý cùng bà V trả số nợ trên cho bà N nên việc bà N khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới trả số nợ này cho bà N là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc bà N khởi kiện yêu cầu bà V, anh H, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền đã vay là 130.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà V, anh H, ông T phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Lê Thị V, anh Lê Thanh H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị V, anh Lê Thanh H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới nộp là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003522 ngày 18/5/2023.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan